

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ Ở CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM

ThS. NGUYỄN ANH PHONG* & HÀ TÔN TRUNG HẠNH**

Trong thời gian qua, các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động, do đó ngày càng đóng góp lớn cho quá trình phát triển kinh tế của cả nước. Tuy nhiên, do các ngân hàng thương mại (NHTM) hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ - một loại hàng hóa đặc biệt nên thường tiềm ẩn nhiều rủi ro, một khi rủi ro không được kiểm soát sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy đáng quan ngại, điển hình như cuộc khủng hoảng tài chính xuất phát tại Mỹ năm 2007. Do vậy, để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những rủi ro trong hoạt động ở các NHTM thì đóng góp của bộ phận kiểm soát nội bộ (KSNB) tại các ngân hàng (NH) đóng vai trò quan trọng. Trong bài viết này, tác giả xin đưa ra thực trạng về hiệu quả của bộ phận KSNB ở các NHTMCP trên địa bàn TP.HCM, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho công tác kiểm soát, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những rủi ro có thể xảy ra đối với hoạt động kinh doanh của các NHTM.

1. Khái quát về hiệu quả hoạt động của bộ phận KSNB ở các NHTM

Theo báo cáo COSO 1992, KSNB là một quá trình bị chi phối bởi ban giám đốc, nhà quản lý và các nhân viên của đơn vị, được thiết kế để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu

sau: (1) Sự hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động, (2) Sự tin cậy của báo cáo tài chính, (3) Sự tuân thủ các luật lệ và quy định.

Hiệu quả hoạt động của bộ phận KSNB là một khái niệm mang tính tổng quát cao, nó bao hàm nhiều ý nghĩa cho hoạt động có hiệu quả tại một NH. Theo Basel II, hiệu quả của bộ phận KSNB là sự tích hợp hoạt động có hiệu quả của 5 nhóm yếu tố sau: (1) Môi trường kiểm soát; (2) Đánh giá rủi ro; (3) Hoạt động kiểm soát; (4) Thông tin, truyền thông; và (5) Giám sát. Theo đó, nếu 5 yếu tố này hoạt động có hiệu quả và tương thích sẽ góp phần ngăn chặn rủi ro, gia tăng hiệu quả hoạt động cho NH, ngược lại bất kỳ yếu tố nào hoạt động yếu kém đều có thể dẫn đến những rủi ro và làm giảm khả năng hoạt động của NH. Như vậy, để hoạt động KSNB có hiệu quả đòi hỏi cần có sự phối hợp và hoạt động hiệu quả từ việc đánh giá môi trường kiểm soát tại NH, phân tích đánh giá rủi ro, kiểm tra giám sát, thông tin truyền thông phải kịp thời và giám sát phải thường xuyên liên tục. Từ 5 yếu tố tác động đến hiệu quả của công tác KSNB, Basel II cũng đưa ra 13 nguyên tắc nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của bộ phận KSNB tại các NH, trong bài viết này tác giả chỉ tóm lược không trình bày chi tiết 5 nhóm yếu tố và 13 nguyên tắc kể trên.

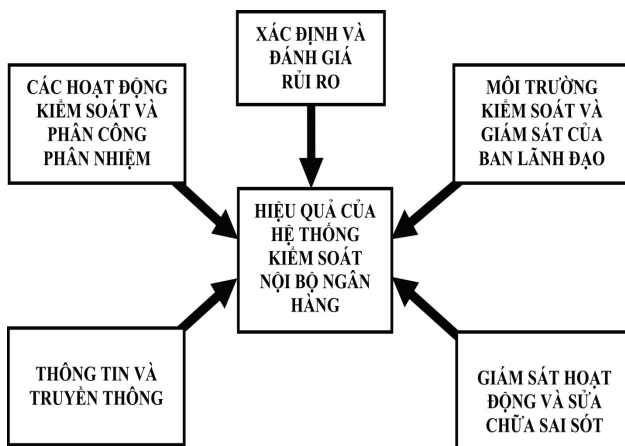
Hệ thống KSNB của các doanh nghiệp nước ta nói chung và các NH nói riêng chỉ đang trong giai đoạn hình thành và hoàn thiện, thậm chí ở một số NH nhỏ, mới thành lập thì bộ phận KSNB còn chưa hình thành hay đã hình thành nhưng hiệu quả kiểm soát còn ở mức thấp. Như vậy, việc nhìn nhận, đánh giá lại hiệu quả hoạt động của hệ thống KSNB tại các NHTM là vấn đề cần thiết; từ đó có các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của KSNB tại các NHTM, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra.

*: Trường Đại học Kinh tế – Luật, ĐHQG TP.HCM

** : Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN

2. Mô hình đánh giá và nguồn số liệu nghiên cứu

Theo nghiên cứu của Olaoye Clement Olatunji (2009) về tác động của hệ thống KSNB đến các NH ở Nigeria, rủi ro là do những gian lận; bài viết đã chỉ ra do hoạt động kiểm tra giám sát của bộ phận KSNB yếu kém dẫn đến việc gian lận và những gian lận do ban lãnh đạo và các nhân viên ở NH gây ra. Nghiên cứu của Abdullad Barakat (2009) phân tích tác động của 5 nhóm yếu tố đến hiệu quả KSNB ở các NH tại Jordan, tác giả sử dụng phỏng vấn điều tra và thang đo Likert để đánh giá hiệu quả KSNB; kết quả cho thấy các nhóm yếu tố về kiểm tra giám sát rủi ro là yếu nhất và đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến rủi ro ở các NH tại Jordan. Kế thừa kết quả của các nghiên cứu trên, kết hợp các phân tích đã trình bày, tác giả nhận thấy có 5 nhóm yếu tố tác động đến hiệu quả của hệ thống KSNB.



Hình 1. 5 yếu tố tác động đến hiệu quả của hệ thống KSNB

Dựa vào 5 yếu tố trên cùng với 13 nguyên tắc để cho hệ thống KSNB hoạt động có hiệu quả, tác giả sử dụng các câu hỏi phỏng vấn và dùng thang đo Likert đánh giá. Từ đó mô hình định lượng đánh giá các nhóm yếu tố tác động đến hiệu quả của hệ thống KSNB được xây dựng như sau:

Trong đó:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \beta_4 X_{4i} + \beta_5 X_{5i} + \epsilon$$

Y_i : là mức độ đánh giá hiệu quả công tác KSNB tại NH i

X_{1i} : Môi trường kiểm tra, giám sát của ban lãnh đạo NH i

X_{2i} : Xác định và đánh giá rủi ro của NH i

X_{3i} : Hoạt động kiểm soát và phân công phân nhiệm của NH i

X_{4i} : Hoạt động thông tin và truyền thông của NH i

X_{5i} : Hoạt động giám sát và sửa chữa những sai sót của NH i

β_0 : Tung độ gốc

$\beta_1 \rightarrow \beta_5$: các hệ số gốc tương ứng

ϵ : sai số ngẫu nhiên

Kết quả của mô hình là tìm ra các nhóm nhân tố tác động đến hiệu quả của hệ thống KSNB hiện tại ở các NHTM, các nhân tố nào là tích cực và tiêu cực; từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống KSNB cho các NHTM trên địa bàn TP.HCM. Bên cạnh đó, thông qua kết quả khảo sát, tác giả cũng tổng hợp các mức đánh giá của từng nhân tố hiện tại, xem từng yếu tố đang được đánh giá ở mức cao hay thấp để có giải pháp nâng cao hiệu quả của hệ thống KSNB ở các NHTM. Dựa vào các nguyên tắc của Basel II, tác giả xây dựng bảng câu hỏi phỏng vấn chuyên viên đang làm việc tại các phòng ban, 200 bảng câu hỏi được phát ra ở 10 NHTM, kết quả thu về được 195 phiếu trả lời phù hợp. Kết quả khảo sát chi tiết được trình bày tại Bảng 2 (trong đó, thang đo được chia từ 1 đến 5, trong đó 1 là ở mức thấp nhất và 5 là mức cao nhất. Con số càng lớn càng thể hiện mức độ đồng ý/chấp nhận càng cao).

3. Đánh giá thực trạng hiệu quả và các yếu tố tác động

3.1 Đánh giá chung hiệu quả hệ thống KSNB tại các NHTMCP

Khi hỏi ý kiến đánh giá về mức độ hiệu quả hiện tại của bộ phận KSNB ở NH mà anh/chị đang làm việc, kết quả như sau:

Bảng 1. Đánh giá mức độ hiệu quả bộ phận KSNB ở các NHTM hiện tại

		Tần suất	Phần trăm	Giá trị %	% tích lũy
Thang đo	Mức 2	143	73,3	73,3	73,3
	Mức 3	33	16,9	16,9	90,3
	Mức 4	19	9,7	9,7	100,0
	Tổng	195	100,0	100,0	

Nguồn: Kết quả xử lý bằng SPSS từ kết quả điều tra, khảo sát

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

Bảng 2. Kết quả khảo sát đánh giá các yếu tố tác động đến hiệu quả KSNB

Mã số	Các phát biểu	Kết quả				
		N	Trung bình	Điểm giữa	Trung vị	Biến thiên
X ₁₁	Hội đồng quản trị xét duyệt và kiểm tra định kỳ, thường xuyên các chính sách quan trọng ở mức nào?	195	2,48	2	2	0,65
X ₁₂	Ban điều hành đã thực hiện các công việc cần thiết để xác định, đo lường và kiểm soát rủi ro đến đâu? (xây dựng quy trình, xếp hạng... theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và theo quy định quốc tế)	195	2,36	2	2	0,61
X ₁₃	Cơ cấu tổ chức có sự phân công rõ ràng về trách nhiệm, quyền hạn, và mối quan hệ báo cáo giữa các phòng ban ở mức nào?	195	2,52	2	2	0,8
X ₁₄	Thiết lập hệ thống KSNB hợp lý về tổ chức và quản lý ở mức độ nào? (về số lượng, trình độ, kinh nghiệm, đạo đức...)	195	2,53	2	2	0,81
X ₁₅	Ban điều hành đã thiết lập các chuẩn mực đạo đức, văn hóa hợp lý cho tổ chức thế nào?	195	1,55	1	1	0,97
X ₁₆	Toàn bộ nhân viên đều hiểu rõ và tham gia vào quá trình KSNB đến đâu? (Theo từng bộ phận mà mình công tác)	195	2,21	2	2	0,25
X ₂₁	Ban điều hành có đánh giá những rủi ro trọng yếu liên tục ở mức nào?	195	1,45	1	1	0,55
X ₂₂	Bộ phận kiểm soát đánh giá rủi ro của NH là linh hoạt và có hiệu quả trong dự báo rủi ro (thể hiện qua các quy định, kết quả cho vay...)	195	2,27	2	2	0,45
X ₂₃	Bộ phận kiểm tra giám sát rủi ro tín dụng đã đạt hiệu quả ở mức nào?	195	2,28	2	2	0,43
X ₂₄	Việc xếp hạng phân loại tín dụng thực hiện thường xuyên liên tục?	195	1,46	1	1	0,40
X ₂₅	Hệ thống cảnh báo và thực hiện các biện pháp trong điều kiện khẩn cấp đạt hiệu quả ở mức nào?	195	2,25	2	2	0,18
X ₃₁	Hệ thống KSNB được thực hiện từ trên xuống trên tất cả các phương diện hoạt động?	195	2,42	2	2	0,43
X ₃₂	Sự phân công, phân nhiệm đã rõ ràng, minh bạch ở mức nào?	195	3,14	3	3	0,34
X ₃₃	Tình trạng mâu thuẫn nội bộ hiện ở mức nào?	195	2,36	2	2	0,33
X ₄₁	Thông tin và truyền thông đã kịp thời liên tục đến đâu?	195	2,42	2	2	0,46
X ₄₂	Bộ phận thông tin và truyền thông là đáng tin cậy và hiệu quả đến đâu?	195	2,41	2	2	0,43
X ₄₃	Thông tin được lưu trữ tiện lợi và an toàn đến mức nào?	195	2,36	2	2	0,37
X ₅₁	Các rủi ro trọng yếu có được thực hiện hàng ngày, đánh giá định kỳ của bộ phận kinh doanh và ban kiểm soát ở mức nào?	195	2,23	2	2	0,28
X ₅₂	Trình độ và kinh nghiệm của nhân viên KSNB hiện ở mức nào?	195	1,77	2	2	0,50
X ₅₃	Khả năng phát hiện những sai sót và báo cáo kịp thời của ban kiểm soát hiện ở mức nào?	195	1,79	2	2	0,51
X ₅₄	Hệ thống KSNB tại NH tuân thủ đúng các quy định, chuẩn mực cũng như các quy định của Nhà nước đến đâu?	195	2,37	2	2	0,41
X ₆₁	Nhân viên đã nắm bắt kịp thời các quy định của NHNN đến đâu? Có được tập huấn thường xuyên hay không?	195	2,38	2	2	0,24
X ₆₂	Khả năng ứng phó trước những thay đổi trong chính sách NHNN	195	3,41	3	4	0,38
X ₆₃	Các quy định về cho vay, lãi suất, tỷ giá của NHNN là linh hoạt, phù hợp, giúp công tác kiểm tra giám sát tốt ở mức nào?	195	3,17	3	3	0,33

Nguồn: Kết quả xử lý bằng SPSS từ kết quả điều tra, khảo sát

Có đến 73,3% ý kiến đánh giá hiệu quả của bộ phận KSNB hiện nay chỉ ở mức 2 (tức là mức hiệu quả thấp), 16,9% ý kiến đồng ý hiệu quả ở mức trung bình và chỉ có 9,7% ý kiến cho rằng hệ thống kiểm soát là tốt. Như vậy, nhìn chung hệ thống KSNB ở các NHTM hiện nay là hoạt động còn yếu chưa đáp ứng được nhu cầu kiểm tra giám sát trong tình hình diễn biến phức tạp hiện nay trong hoạt động của các NHTM.

3.2 Đánh giá các nhóm yếu tố đến hiệu quả của bộ phận KSNB

Hiệu quả công tác KSNB bị đánh giá còn ở mức độ thấp là do các nguyên nhân sau đây:

(1) *Môi trường kiểm tra giám sát của ban lãnh đạo* ($X_{11} \rightarrow X_{16}$): Kết quả khảo sát trung bình chỉ ở mức trên 2, tức chỉ ở mức trên trung bình, cá biệt có chỉ tiêu ở mức yếu như thiết lập các chuẩn mực đạo đức văn hóa phù hợp với tổ chức. Kết quả này đưa đến mấy nhận xét quan trọng như sau: Trình độ và năng lực quản trị của Hội đồng quản trị (HĐQT) các NHTMCP hiện vẫn còn hạn chế, chưa thiết lập các hệ thống chuẩn mực chung trong tổ chức và như vậy có thể hàm chứa những rủi ro. HĐQT cũng chưa được tiếp cận với các phương pháp cũng như kinh nghiệm quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế. Cơ cấu tổ chức còn chồng chéo, phân định chưa rõ ràng giữa các chức năng, chính vì vậy việc quản lý và trao đổi thông tin trong NH ít hiệu quả. Công tác đào tạo tập huấn của các NH vẫn chưa đồng đều nhau và chưa thường xuyên liên tục.

(2) *Xác định và đánh giá rủi ro* ($X_{21} \rightarrow X_{25}$): Nhóm chỉ tiêu này cũng được đánh giá ở mức thấp, trong đó có 2 chỉ tiêu bị đánh giá chỉ ở mức trên 1. Chứng tỏ việc đánh giá rủi ro ở các NH là chưa thực hiện thường xuyên và liên tục; trình độ quản lý kinh doanh chưa cao; công tác quản trị rủi ro NH ở một số lĩnh vực còn chưa được thực sự chú trọng và chưa mang tính chuyên nghiệp; nguyên tắc kiểm tra, KSNB thiếu chặt chẽ.

(3) *Hoạt động kiểm soát và phân công phân nhiệm* ($X_{31} \rightarrow X_{33}$): Đối với mỗi hoạt động kinh doanh, NHTM cổ phần đều xây dựng quy trình xử lý nghiệp vụ, các bộ phận chức năng thực hiện nghiệp vụ trong quy trình sẽ kiểm tra, kiểm soát lẫn nhau nhằm hạn chế được rủi ro tác nghiệp. Việc phân công nhiệm vụ tại NH đều tuân thủ nguyên tắc kiểm soát kép, tức là ít nhất có hai người thực hiện và kiểm tra đối với mỗi nghiệp

vụ. Kết quả khảo sát các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động kiểm soát cho thấy tỷ lệ ở nhóm 2 và 3 chiếm tỷ trọng cao cho thấy các NHTMCP tuy đã quan tâm nhiều đến việc công tác kiểm soát nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần quan tâm để cải tiến hơn nữa.

(4) *Hoạt động thông tin và truyền thông* ($X_{41} \rightarrow X_{43}$): Thông tin và truyền thông cũng được đánh giá chỉ ở mức trên trung bình, hoạt động này đòi hỏi các NH phải ứng dụng nhanh công nghệ thông tin vào trong quản lý. Tuy nhiên, một số NHTM cổ phần nhỏ có xu hướng sử dụng bộ phận tin học nội bộ để tự thiết kế, xây dựng hệ thống ứng dụng của mình. Hệ thống thông tin báo cáo còn chồng chéo, chưa kịp thời cung cấp cho các nhà lãnh đạo NH những biến động lãi suất, tỷ giá cũng như những biến động trong nhu cầu huy động vốn và cho vay của toàn hệ thống trong mỗi NH dẫn đến việc các nhà lãnh đạo NH không có các thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời để ra các quyết định quản lý hiệu quả.

(5) *Hoạt động giám sát và sửa chữa những sai sót* ($X_{51} \rightarrow X_{54}$): Nhóm yếu tố này cũng bị đánh giá thấp, nhất là kinh nghiệm của người làm KSNB cũng như khả năng phát hiện những sai sót bị đánh giá ở mức dưới 2, tức là mức yếu. Đội ngũ kiểm toán nội bộ tại các NHTM cổ phần quá mỏng so với quy mô hoạt động và mạng lưới chi nhánh của NH; trình độ, kinh nghiệm của kiểm toán viên nội bộ còn hạn chế... đã không đáp ứng được yêu cầu về phát hiện triệt để các gian lận, sai sót, và kiểm soát tính tuân thủ trong từng hoạt động của NH.

3.3 Đánh giá các yếu tố tác động đến hiệu quả của bộ phận KSNB ở NH

Trước tiên, tác giả sử dụng phần mềm SPSS v11.5 để kiểm định khám phá các nhóm nhân tố theo phương pháp CFA (Cronbach Alpha) với các hệ số tải nhân tố $>0,3$ (tức là các hệ số tải nhân tố $<0,3$ đều bị loại), kết quả như Bảng 3.

Kết quả khám phá nhân tố theo phương pháp CFA cho thấy từ 24 câu hỏi nghiên cứu đánh giá các nhân tố tác động đến mức độ hiệu quả của hệ thống KSNB được chia thành 9 nhóm yếu tố tác động. Các nhóm yếu tố này được xử lý bằng cách lấy bình quân trọng số của mức thang đo ở từng câu hỏi với trọng số là hệ số tải nhân tố (Factor Loading), kết quả 9 nhóm nhân tố mới được tác giả đặt tên lần lượt là:

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

Bảng 3. Ma trận hệ số tải nhân tố

	Nhân tố và hệ số tải nhân tố								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
X ₄₂	0,948								
X ₄₁	0,924								
X ₄₃	0,890								
X ₁₃		0,913							
X ₁₄		0,913							
X ₃₂		0,738							
X ₂₂			0,957						
X ₂₃			0,957						
X ₅₃				0,891					
X ₅₂				0,889					
X ₁₅					0,732				
X ₂₁					0,669				
X ₁₂					0,600				
X ₂₅						-0,850			
X ₆₂						0,630			
X ₃₃						0,580			
X ₆₁							0,823		
X ₃₁							0,497		
X ₁₆							0,492		
X ₅₄								0,808	
X ₆₃								0,583	
X ₁₁									0,760
X ₂₄									0,601
X ₅₁									0,350

Nguồn: Kết quả xử lý bằng SPSS từ kết quả điều tra, khảo sát

X₁: Hoạt động kiểm soát và phân công phân nhiệm của hệ thống kiểm soát

X₂: Hiệu quả kiểm tra giám sát rủi ro

X₃: Hoạt động của ban điều hành trong kiểm tra giám sát rủi ro

X₄: Hiệu quả hoạt động thông tin và truyền thông trong hệ thống

X₅: Trình độ, kinh nghiệm và khả năng phát hiện sai sót của ban kiểm soát

X₆: Khả năng ứng phó rủi ro và giải quyết mâu thuẫn nội bộ

X₇: Tính toàn diện, bao quát của hệ thống KSNB

X₈: Tuân thủ các quy định của Nhà nước

X₉: Kiểm tra, giám sát, đánh giá rủi ro thường xuyên, liên tục

Như vậy, từ 5 nhóm yếu tố trên cơ sở lý thuyết, kết quả khám phá nhân tố đã chia 5 nhóm này thành 9 nhóm yếu tố dựa trên 5 nhóm yếu tố trên. Các nhóm nhân tố này là các nhân tố tác động đến hiệu quả của hệ thống KSNB của NHTM, đây cũng là các biến độc lập, từ đó mô hình định lượng sẽ có dạng như sau:

Trong đó:

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \beta_4 X_{4i} + \beta_5 X_{5i} + \beta_6 X_{6i} + \beta_7 X_{7i} + \beta_8 X_{8i} + \beta_9 X_{9i} + \varepsilon$$

Y_i : là mức độ đánh giá hiệu quả công tác KSNB tại NH i

Bảng 4. Kết quả hồi quy tuyến tính các nhóm nhân tố

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Hệ số t	Hệ số Sig.	Thống kê cộng tuyến	
		β	Sai số chuẩn	β			Dung sai	Hệ số VIF
1	Hằng số	-0,337	0,154		-2,191	0,030		
	Thông tin và truyền thông	0,138	0,048	0,117	2,888	0,004	0,399	2,508
	Kiểm soát và sự phân công phân nhiệm	0,179	0,059	0,183	3,043	0,003	0,179	5,572
	Bộ phận kiểm tra giám sát rủi ro	0,415	0,083	0,299	4,980	0,000	0,180	5,547
	Trình độ, kinh nghiệm và khả năng phát hiện những sai sót của ban kiểm soát	0,101	0,035	0,120	2,911	0,004	0,383	2,610
	Hoạt động của ban điều hành trong việc kiểm tra giám sát những rủi ro	0,088	0,035	0,115	2,520	0,013	0,310	3,230
	Tính linh hoạt trong ứng phó những rủi ro và giải quyết mâu thuẫn nội bộ	0,040	0,015	0,094	2,693	0,008	0,533	1,878
	Tính toàn diện của hệ thống KSNB	0,217	0,055	0,142	3,937	0,000	0,500	2,000
	Tính tuân thủ các quy định kiểm tra giám sát của NHNN	-0,078	0,035	-0,061	-2,241	0,026	0,872	1,146
	Kiểm tra giám sát và đánh giá rủi ro thường xuyên liên tục	0,090	0,036	0,077	2,467	0,015	0,669	1,494

X_{1i} : Hoạt động kiểm soát và phân công phân nhiệm của hệ thống kiểm soát ở NH i

X_{2i} : Hiệu quả kiểm tra giám sát rủi ro của NH thứ i

X_{3i} : Hoạt động của ban điều hành trong kiểm tra giám sát rủi ro của NH thứ i

X_{4i} : Hiệu quả hoạt động thông tin và truyền thông trong hệ thống của NH i

X_{5i} : Trình độ, kinh nghiệm và khả năng phát hiện sai sót của ban kiểm soát của NH i

X_{6i} : Khả năng ứng phó rủi ro và giải quyết mâu thuẫn nội bộ của NH thứ i

X_{7i} : Tính toàn diện, bao quát của hệ thống KSNB của NH thứ i

X_{8i} : Tuân thủ các quy định của Nhà nước của NH thứ i

X_{9i} : Kiểm tra, giám sát, đánh giá rủi ro thường xuyên, liên tục của NH thứ i

β_0 : Tung độ gốc

$\beta_1 \rightarrow \beta_9$: các hệ số gốc tương ứng

ε : sai số ngẫu nhiên

Sử dụng phần mềm SPSS v11.5 để tiến hành hồi quy bội bằng phương pháp OLS được kết quả

như Bảng 4 và Bảng 5:

Bảng 5. Tổng hợp mô hình

	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn ước lượng
1	0,938(a)	0,880	0,874	0,23231

Nguồn: Kết quả xử lý bằng SPSS từ kết quả điều tra, khảo sát

Mô hình hồi quy tuyến tính có các Sig.<0,05, nên các nhân tố đạt độ tin cậy 95%, hệ số VIF<10 nên mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, R² điều chỉnh=0,874, tức là các nhân tố đưa vào mô hình đã giải thích được 87,4% ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hệ thống KSNB ở các NHTMCP. Ta có phương trình hồi quy tuyến tính như sau:

$$Y_i = -0,337 + 0,179X_{1i} + 0,415X_{2i} + 0,088X_{3i} + 0,138X_{4i} + 0,101X_{5i} + 0,04X_{6i} + 0,217X_{7i} - 0,078X_{8i} + 0,09X_{9i} + \varepsilon$$

Trong 9 nhóm nhân tố tác động đến hiệu quả của hệ thống KSNB thì hầu hết đều có tương quan thuận, riêng chỉ có nhóm nhân tố X_8 (tuân thủ các quy định của NHNN) là có tương quan nghịch, điều này được giải thích là các quy định và chính sách của NHNN còn chưa thật sự phù hợp hoặc

chưa linh động cao trong tình hình thay đổi hiện nay, trước những biến động của chính sách quản trị và kinh doanh của các NHTM (dẫn đến tình trạng lách luật để hoạt động, gây khó khăn cho công tác KSNB). Đây là vấn đề đáng quan tâm để chúng ta có thể xem xét và đưa ra các giải pháp kiến nghị phù hợp hơn. Trong 8 nhân tố còn lại thì tác động của nhân tố X_2 là lớn nhất (khi hiệu quả của bộ phận kiểm tra giám sát tăng lên 1 điểm sẽ nâng hiệu quả của hệ thống kiểm soát lên 0,415 điểm); kế đến là nhân tố X_7 (tính toàn diện bao quát của hệ thống kiểm soát), X_4 (hiệu quả công tác thông tin và truyền thông), X_1 (sự phân công phân nhiệm rõ ràng trong hệ thống kiểm soát); tác động ít hơn nữa là các nhân tố: X_6 (khả năng ứng phó và giải quyết mâu thuẫn), X_3 (hoạt động của ban điều hành trong kiểm tra giám sát), và X_9 (kiểm tra giám sát có thường xuyên liên tục). Mô hình định lượng cho thấy để nâng cao và hoàn thiện hệ thống KSNB ở các NHTMCP thì cần nâng cao các nhóm nhân tố từ X_1 đến X_9 và có những kiến nghị đổi mới cải biến những quy định của Nhà nước cho hợp lý hơn ở nhóm nhân tố X_8 . Kết quả này là phù hợp với phần phân tích định tính bên trên. Hiện tại ở hầu hết các yếu tố tác động đến mức hiệu quả của hệ thống KSNB đều được đánh giá ở mức thấp hay trung bình, do vậy muốn cải biến, nâng cao hiệu quả của bộ phận kiểm soát thì cần cải thiện trên tất cả các yếu tố và nhóm yếu tố tác động.

4. Các kết luận và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả KSNB ở các NHTMCP trên địa bàn TP.HCM

4.1 Các giải pháp về phía NHNN

- Xây dựng hệ thống báo cáo đồng bộ để giảm thiểu khối lượng rủi ro và nâng cao chất lượng thông tin. Hoàn thiện các quy định về tổ chức, hoạt động của NHTM cổ phần và xác định rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

- Xây dựng các chính sách điều hành về lãi suất, tỷ giá cho phù hợp và linh động trước những thay đổi của nền kinh tế để vừa đảm bảo lợi ích cho NH nhưng cũng vừa đảm bảo lợi ích của người đi vay.

4.2 Các giải pháp về phía các NHTMCP

- Ban điều hành cần có chính sách thường xuyên kiểm tra và xét duyệt các chính sách liên

quan đến định hướng chiến lược phát triển kinh doanh hơn nữa. Cần nhanh chóng hoàn thiện quy trình đánh giá xếp hạng tín dụng phù hợp quy định của NHNN và quốc tế, có bộ phận chuyên trách phân tích, dự báo và định hướng chiến lược.

- Thiết lập bộ phận đánh giá rủi ro tín dụng: NHTM cổ phần VN cần tổ chức một bộ phận đánh giá rủi ro tín dụng nhằm đánh giá các loại rủi ro tín dụng trước và sau khi cho vay. Bộ phận này hoạt động độc lập với bộ phận tín dụng của chi nhánh và bộ phận xét duyệt cho vay tại hội sở. Xây dựng hệ thống đánh giá tín dụng và sử dụng hệ thống đánh giá tín dụng là cơ sở thống nhất để ra quyết định tín dụng trong toàn hệ thống của NH. Kiểm tra kết quả định giá tài sản đảm bảo, xác minh tình trạng thực tế của tài sản đảm bảo.

- Nhanh chóng thiết lập và xây dựng các chuẩn mực đạo đức, quy định văn hóa tổ chức; đây là vấn đề then chốt, vì thật sự có thể thấy các rủi ro xảy ra trong lĩnh vực tiền tệ thường xuất phát từ yếu tố con người không có trình độ hoặc đạo đức.

- Tăng cường sự kiểm soát thường xuyên liên tục quá trình xử lý thông tin của bộ phận kế toán, ngân quỹ và giao dịch đối với các nghiệp vụ hạch toán nợ vay, giải ngân, thu nợ và điều chỉnh thông tin của các khoản vay trong hệ thống xử lý. Hoàn chỉnh hệ thống công nghệ thông tin hiện đại để có khả năng kết xuất kịp thời báo cáo các khoản nợ đến hạn và tình hình thanh toán.

- Cần phải quy định rõ về trách nhiệm, quyền hạn của từng bộ phận, từng nhân viên, tránh tình trạng mâu thuẫn nội bộ do quy định phân cấp không rõ ràng dẫn đến kém hiệu quả, đặc biệt là phân công phân nhiệm các nhân viên KSNB.

- Xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý tạo điều kiện cho việc truyền đạt thông tin được thực hiện dễ dàng, thông suốt giữa các cấp của NH. Quy định rõ ràng về thẩm quyền tiếp nhận và xử lý các loại thông tin trong từng cấp. Hệ thống báo cáo giữa các cấp trong bộ máy tổ chức không được chồng chéo, trùng lặp.

- Hiệu quả và mức độ chặt chẽ, độc lập của

hệ thống phân công, phân nhiệm giữa các chức năng trong quy trình thực hiện từng nhiệm vụ của NH. Tổng hợp rủi ro của từng hoạt động, nhất là rủi ro tín dụng và rút ra kinh nghiệm quản lý rủi ro cho toàn hệ thống của NH. Đánh giá, kiểm tra lại trình độ nghiệp vụ, mức độ hiểu biết quy trình và cập nhật kiến thức của đội ngũ nhân viên trong NH.

- Cán bộ KSNB cần có trình độ chuyên môn về nghiệp vụ NH và kinh nghiệm thực tế về một loại nghiệp vụ NH trong thời gian tối thiểu 3 năm; được đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ kiểm toán; có kỹ năng giao tiếp tốt; thường xuyên cập nhật, bồi dưỡng các kiến thức về nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, kỹ năng kiểm toán, kỹ năng giao tiếp trong kiểm toán; không được kiêm nhiệm các công việc khác không thuộc chức năng kiểm toán nội bộ; được hỗ trợ về cơ sở vật chất và điều kiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ. Để đảm bảo tính độc lập, cũng như tránh việc kiểm toán theo lối mòn, nên bố trí thay đổi thường xuyên kiểm toán viên đối với từng đơn vị được kiểm toán■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bangladesh Bank (2002), *Managing Core Risk in Banking: Internal Control & Compliance Framework for Internal Control Systems in Banking Organisation*.
2. Basel Committee on Banking Supervision (9/2000), *Principles for the Management of Credit Risk*.
3. Basel Committee on Banking Supervision (9/1998), *Framework for Internal Control Systems in Banking Organisations*.
4. Committee of Sponsoring Organisations of the Treadway Commission (9/1992), *Internal Control: Intergrated Framework*.
5. Comptroller of the Currency, Administrator of National Banks (1/2001), *Internal Control: Comptrollers Handbook*.
6. Olaoye Clement Olatunji (2009), "Impact of Internal Control System in Banking Sector in Nigeria", *Pakistan Journal of Social Sciences* 6 (4): 181-189.
7. Website of Bank for International Settlements: www.bis.org.

